

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Phước Công**;

2. Bà **H Thị Thiện Lai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân Hện Ch M, tỉnh A G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch M, tỉnh A G không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp PhT 2, xã K A, Hện Ch M, tỉnh A G (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Lê Thanh V, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp PhT 2, xã K A, Hện Ch M, tỉnh A G (có ý kiến xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông V do tự tiện hiểu và sống chung với nhau năm 1992, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2004, nguyên nhân sống chung không có tình cảm, bất đồng quan điểm,

từ đó vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê H H, sinh ngày 06/9/1999; Lê Thanh H, sinh ngày 09/9/1994; Lê Thanh T, sinh ngày 06/7/2002 (hiện các con chung đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác định không có.

Về nợ chung: Bà Lê Thị H xác định không có.

Bị đơn ông Lê Thanh V trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, vợ chồng không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà H xin ly hôn thì ông đồng ý, do ông bận công việc gia đình cho ông xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử, ông không khiếu nại gì về sau.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê H H, sinh ngày 06/9/1999; Lê Thanh H, sinh ngày 09/9/1994; Lê Thanh T, sinh ngày 06/7/2002 (hiện các con chung đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Ông Lê Thanh V xác định không có.

Về nợ chung: Ông Lê Thanh V xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bà Lê Thị H khởi kiện ông Lê Thanh V cư trú ấp PhT 2, xã K A, huyện Ch M, tỉnh A G, Tòa án nhân dân huyện Ch M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Bà H và ông V sống chung với nhau vào năm 1992 nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông V là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê H H, sinh ngày 06/9/1999; Lê Thanh H, sinh ngày 09/9/1994; Lê Thanh T, sinh ngày 06/7/2002 (hiện các con chung đã trưởng thành).

[4]. Về tài sản chung: Ông Lê Thanh V, bà Lê Thị H xác định không có.

[5]. Về nợ chung: Ông Lê Thanh V, bà Lê Thị H xác định không có.

Ghi nhận ông V, bà H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ

chung của ông V, bà H trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 14, Khoản 1 Điều 53, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Lê Thanh V là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê H H, sinh ngày 06/9/1999; Lê Thanh H, sinh ngày 09/9/1994; Lê Thanh T, sinh ngày 06/7/2002 (hiện các con chung đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà Lê Thị H, ông Lê Thanh V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị H, ông Lê Thanh V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận ông V, bà H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông V, bà H trong thời kỳ hôn nhân thì ông bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006736 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Ch M, tỉnh A G. Bà Lê Thị H không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A G;
- VKSND huyện Ch M;
- Chi cục THADS huyện Ch M;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn